**6. Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào**

**6.1. Trình tự, cách thức, thời gian thực hiện:**

| **TT** | **Trình tựthực hiện** | **Cách thức thực hiện** | **Thời giangiải quyết** |
| --- | --- | --- | --- |
| **Bước 1** | **Nộp hồ sơ thủ tục hành chính** | Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ đầy đủ theo quy định và nộp hồ sơ qua các cách thức sau: |  |
| a) Nộp hồ sơ trực tiếp (hoặc qua đường bưu điện) tại Trung tâm Kiểm soát thủ tục hành chính và Phục vụ hành chính công tại Tòa nhà Bưu điện Tỉnh, địa chỉ: Số 85, đường Nguyễn Huệ, Phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.  | - Sáng: từ 07 giờ đến 11 giờ 30 phút;- Chiều: từ 13 giờ 30 đến 17 giờ của các ngày làm việc.- Thứ bảy từ 7 giờ đến 11 giờ 30 phút. |
| b) Nộp trực tuyến trên: Cổng dịch vụ Quốc gia hoặc Hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải. (https://dichvucong.gov.vn hoặc <http://qlvt.mt.gov.vn>). | 24/24 giờ |
| **Bước 2** | **Tiếp nhận và chuyển hồ sơ thủ tục hành chính** | Công chức tiếp nhận xem xét, kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ:- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa chính xác: công chức tiếp nhận hồ sơ phải hướng dẫn tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định và nêu rõ lý do theo mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.- Trường hợp từ chối nhận hồ sơ: công chức tiếp nhận hồ sơ phải nêu rõ lý do theo mẫu Phiếu từ chối giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính.- Trường hợp hồ sơ đầy đủ, chính xác theo quy định: công chức tiếp nhận hồ sơ và in Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả, sau đó chuyển hồ sơ cho phận chuyên môn xử lý.- Trường hợp nhận hồ sơ qua đường bưu điện: công chức gửi Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ hoặc Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả qua đường bưu điện cho tổ chức, cá nhân.- Trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Kiểm soát thủ tục hành chính và Phục vụ hành chính công tỉnh Đồng Tháp kiểm tra thành phần hồ sơ và chuyển dữ liệu hồ sơ cho bộ phận chuyên môn xử lý. | Chuyển ngay hồ sơ trong ngày làm việc hoặc vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo đối với trường hợp tiếp nhận sau 16 giờ hàng ngày. |
| **Bước 3** | Giải quyết thủ tục hành chính | a) Tiếp nhận hồ sơ từ Trung tâm Kiểm soát thủ tục hành chính và Phục vụ hành chính công tỉnh Đồng Tháp, công chức được giao xử lý xem xét, thẩm định hồ sơ, trình phê duyệt kết quả giải quyết thủ tục hành chính: | **02 ngày làm việc** |
| - Tiếp nhận hồ sơ | 0,5 ngày |
| - Giải quyết hồ sơ, trong đó: | 1 ngày |
| + Chuyên viên. | 0,5 ngày |
| + Lãnh đạo phòng. | 0,25 ngày |
| + Lãnh đạo Sở | 0,25 ngày |
| - Chuyển kết quả đến Trung tâm Kiểm soát thủ tục hành chính và Phục vụ hành chính công tỉnh Đồng Tháp | 0,5 ngày |
| b) Đối với hồ sơ qua thẩm tra, thẩm định chưa đủ điều kiện giải quyết, công chức có văn bản trả lời cho người nộp hồ sơ biết lý do không đạt. Trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện thì gởi văn bản trả lời lý do không đạt cho tổ chức, cá nhân qua đường bưu điện. | Trong thời gian 02 ngày làm việc  |
| **Bước 4** | **Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính** | - Tổ chức, cá nhân đến Trung tâm Kiểm soát thủ tục hành chính và Phục vụ hành chính công tỉnh Đồng Tháp nhận kết quả và hoàn trả giấy hẹn hoặc liên hệ Trung tâm Kiểm soát thủ tục hành chính và Phục vụ hành chính công tỉnh Đồng Tháp nhận kết quả và hoàn trả giấy hẹn qua đường bưu điện hoặc hình thức phù hợp khác.- Công chức trả kết quả kiểm tra giấy hẹn và yêu cầu người nhận kết quả ký nhận vào sổ và trao kết quả. | - Sáng: từ 07 giờ đến 11 giờ 30 phút;- Chiều: từ 13 giờ 30 đến 17 giờ của các ngày làm việc.- Thứ bảy từ 7 giờ đến 11 giờ 30 phút. |

**6.2. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

**a) Thành phần hồ sơ:**

**\* Thành phần hồ sơ đề nghị cấp giấy phép đối với phương tiện thương mại gồm:**

- Giấy đề nghị cấp giấy phép theo mẫu;

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hẹn nhận Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký hoặc bản sao từ sổ gốc của Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải phải xuất trình thêm bản sao một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh;

- Bản sao văn bản thông báo khai thác tuyến, văn bản thay thế phương tiện hoặc văn bản bổ sung phương tiện của cơ quan quản lý tuyến và hợp đồng đón trả khách tại bến xe khách ở Việt Nam và bến xe khách hoặc nơi đón trả khách ở Lào (đối với phương tiện kinh doanh tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào).

**\* Thành phần hồ sơ đề nghị cấp giấy phép đối với phương tiện phi thương mại và phương tiện phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trên lãnh thổ Lào:**

- Giấy đề nghị cấp giấy phép theo mẫu;

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô thuộc quyền sử dụng của tổ chức, cá nhân;

- Bản sao quyết định cử đi công tác của cơ quan có thẩm quyền (đối với trường hợp xe công vụ và xe của các cơ quan ngoại giao, tổ chức quốc tế đi công tác);

- Bản sao hợp đồng hoặc tài liệu chứng minh đơn vị đang thực hiện công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ Lào (đối với doanh nghiệp, hợp tác xã phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ Lào).

**b) Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

**6.3. Cơ quan thực hiện:** Sở Giao thông vận tải Đồng Tháp

**6.4. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính**: Tổ chức, cá nhân.

**6.5. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính**: Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào.

**6.6. Lệ phí:** Không có.

**6.7. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Giấy đề nghị cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào cho phương tiện thương mại;

- Giấy đề nghị cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào cho phương tiện phi thương mại và phương tiện phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp tại Lào.

**6.8. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:** Không có.

**6.9. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới.

**6.10. Lưu hồ sơ (ISO):** Không.

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP**\_\_\_\_\_\_\_\_ | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc** \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ |

Mẫu số 04, Phụ lục IV

(*Ban hành kèm theo Nghị định 119/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính Phủ)*

**GIẤY ĐỀ NGHỊ**

CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM VÀ LÀO CHO PHƯƠNG TIỆN THƯƠNG MẠI

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Kính gửi:

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:

2. Địa chỉ: ………………………………………………………………….

3. Số điện thoại: ............................................ Số Fax/Địa chỉ email: ..........................................

4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào do ........................... cấp số ........................... Ngày cấp ......................................

5. Đề nghị ....................... cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào cho các phương tiện vận tải sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Số TT | Biển số xe | Trọng tải (ghế) | Năm sản xuất | Nhãn hiệu | Số khung | Số máy | Màu sơn | Thời gian đề nghị cấp Giấy phép | Hình thức hoạt động (vận chuyển hàng hóa hay hành khách) | Cửa khẩu xuất - nhập |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

Đối với phương tiện thay thế: ghi rõ phương tiện có biển kiểm soát ......................... thay thế phương tiện có biển kiểm soát .....................................

6. Loại hình kinh doanh vận tải:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| a) Hành khách theo tuyến cố định |  | b) Khách du lịch: |  |
| c) Hành khách theo hợp đồng: |  | d) Vận tải hàng hóa: |  |

***Ghi chú:*** Đối với phương tiện vận chuyển hành khách theo tuyến cố định bổ sung thêm các thông tin sau:

Tuyến: .................... đi ..................... và ngược lại

Bến đi: Bến xe .................................. (thuộc tỉnh: .................. Việt Nam)

Bến đến: Bến xe ........................... (thuộc tỉnh: .................... Lào)

Cự ly vận chuyển: .............. km

Hành trình tuyến đường:

Đã được ................. thông báo khai thác tuyến tại công văn số .................... Ngày .................

*..., ngày... tháng ... năm...*

**Đơn vị kinh doanh vận tải**

*(Ký tên, đóng dấu)*

Mẫu số 05, Phụ lục IV

(*Ban hành kèm theo Nghị định 119/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính Phủ)*

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP**\_\_\_\_\_\_\_\_ | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc** \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ |

**GIẤY ĐỀ NGHỊ**

**CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM VÀ LÀO CHO PHƯƠNG TIỆN PHI THƯƠNG MẠI VÀ PHƯƠNG TIỆN PHỤC VỤ CÁC CÔNG TRÌNH DỰ ÁN HOẶC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP TẠI LÀO**

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Kính gửi:

1. Tên tổ chức/cá nhân:

2. Địa chỉ:

3. Số điện thoại: ............................... Số Fax/Địa chỉ email: ..........................

4. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô số .................... Ngày cấp ................ cơ quan cấp phép ............................. (đối với phương tiện phục vụ các công trình dự án hoặc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp tại Lào)

5. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào (đối với đơn vị kinh doanh vận tải) do ........................... cấp số: ....................................... Ngày cấp: ..........................

6. Đề nghị ................................. cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào cho phương tiện vận tải sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Số TT | Biển số xe | Trọng tải (ghế) | Năm sản xuất | Nhãn hiệu | Số khung | Số máy | Màu sơn | Thời gian đề nghị cấp phép | Hình thức hoạt động (vận chuyển hàng hóa hay hành khách) | Cửa khẩu xuất - nhập |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

7. Mục đích chuyến đi

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| a) Công vụ: |  | b) Cá nhân: |  |
| c) Hoạt động kinh doanh: |  | d) Mục đích khác |  |

*........, ngày ... tháng ... năm...*

**Tổ chức/Cá nhân**

*Ký tên, đóng dấu (nếu có))*